TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-7-2022
Vv: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Ông Bùi Văn Lam

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Sỹ Quân

Ông Lê Văn Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoa – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà Hôn nhân gia đình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2022/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phiên tòa dân sự sơ thẩm số: 43/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phan Thị D Bị đơn Lê Tiến L; Địa chỉ: sn 21, ngõ 108, Nguyễn T, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; (Xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai nguyên đơn chị Phan Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Phan Thị D và anh Lê Tiến L tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở tình cảm, tự nguyện có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 27/3/2008 tại Ủy ban nhân dân phường Thạch Quý, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, đến nay mâu thuẫn càng ngày càng gay gắt, không thể khắc phục, hàn gắn, thường xuyên có những lời nói, hành vi xúc phạm nhau. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng chỉ tồn tại trên danh nghĩa nên chị Phan Thị D đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Lê Tiến L.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên là Lê Thị Quỳnh A, sinh ngày 30/8/2009 và Lê Tiến Nam K, sinh ngày 18/5/2013. Chị D tùy vào nguyện vọng của con, nếu con có nguyện vọng ở với bố thì chị đồng ý và cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định pháp luật, nếu con có nguyện vọng ở với mẹ thì chị Dung nhờ mẹ đẻ là bà Lê Thị B, địa chỉ: thôn 2, xã Cẩm Mỹ, huyện cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh thay chị chăm sóc các con cho đến khi chị về nước và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị yêu cầu được xét xử vắng mặt và có văn bản ủy quyền giao nhận các tài liệu, chứng cứ cho chị Phạm Thị Thùy L, địa chỉ: số nhà 127, đường Lý Tự Trọng, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Chị Phạm Thị Thùy Linh cũng có văn bản đồng ý chấp nhận các nội dung ủy quyền của chị D.

Quá trình làm việc anh Lê Tiến L thống nhất về thời điểm kết hôn, con chung và mâu thuẫn vợ chồng là đúng, anh đã được tòa án thông báo việc chị Phan Thị D có yêu cầu ly hôn và anh đồng ý; Về con chung: anh Lê Tiến L có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung và yêu cầu chị Phan Thị D phải cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) cho đến khi con trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra, anh yêu cầu được xét xử vắng mặt.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung của anh Lê Tiến L chị Phan Thị D trình bày: Quá trình chị đi nước ngoài đều gửi tiền cho bà nội của các con để các con học hành, sinh hoạt. Nay các con có nguyện vọng được ở với bố nên chị đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi con trưởng thành vì anh L cũng phải có một phần trách nhiệm.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau và đề nghị Tòa án áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, 55, 81, 82, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQHH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị D. Xử cho chị Phan Thị D được ly hôn với anh Lê Tiến L. Về con chung: Giao hai con chung cho anh Long trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị Dung phải cấp dưỡng mỗi tháng 4.000.000 đồng tiền nuôi con chung. Về nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự và đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Phan Thị D hiện đang sinh sống và lao động tại Hàn Quốc, có lời chứng của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 29, 37, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời do điều kiện công việc nên chị Dung yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình xét xử và ủy quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ cho chị Phạm Thị Thùy Linh. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228, điểm a khoản 1 Điều 254 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị Phan Thị D theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Phan Thị D và anh Lê Tiến L đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn vào ngày 27/3/2008 tại Ủy ban nhân dân phường Thạch Quý, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc với nhau được một khoảng thời gian. Sau đó giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nguyên nhân là do quan điểm sống không hòa hợp, vợ chồng không còn tiếng nói chung. Vợ chồng sống xa nhau, không quan tâm đến nhau, phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải được. Chị D xét thấy không còn tình cảm với chồng và mong muốn được ly hôn. Anh L cũng xác nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nay chị D xin ly hôn anh đồng ý.

Mục đích hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc nhưng cuộc hôn nhân giữa chị D và anh L không đạt được mục đích đó.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật. Vợ chồng sống mỗi người một nơi không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ Điều 51, 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị Phan Thị D và anh Lê Tiến L.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên là Lê Thị Quỳnh A, sinh ngày 30/8/2009 và Lê Tiến Nam K, sinh ngày 18/5/2013, anh Lê Tiến L có yêu cầu được nuôi hai con chung chị D đồng ý và theo nguyện vọng của các cháu được ở với bố. Nên cần sự thỏa thuận của các đương sự giao con chung cho anh Long tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật và điều kiện hoàn cảnh mỗi bên.

Về mức cấp dưỡng: Điều 116 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định "*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết"*

Anh Long yêu cầu chị Dung cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng; chị Dung yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng. Như vậy, trong trường hợp này anh Long và chị Dung không thỏa thuận được mức cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Tiền cấp dưỡng nuôi con bao gồm những chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng và học hành của con và do các bên thỏa thuận. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được thì tùy vào từng trường hợp cụ thể vào khả năng của mỗi bên mà quyết định mức cấp dưỡng nuôi con cho hợp lý. HĐXX xét thấy: Cháu Lê Thị Quỳnh A đang vào lớp 08, cháu Lê Tiến Nam K đang vào lớp 04 tại phường Thạch Quý, thành phố Hà Tĩnh. Căn cứ mặt bằng chung tại địa bàn phường Thạch Quý, thành phố Hà Tĩnh thì yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung của chị Dung là phù hợp. Mặt khác, điều kiện thực tế của chị Dung - lao động tự do ở nước ngoài gặp nhiều khó khăn, thu nhập không ổn định và phải trang trải cuộc sống nên mức cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng 2.000.000đ/1 con chung là hợp lý.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu, tòa án không xem xét

[3] Về án phí ly hôn: Buộc chị Phan Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 37, 227, 469, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 110, 116, 117, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị D được ly hôn anh Lê Tiến L

2. Về con chung: Xử giao con chung là Lê Thị Quỳnh A, sinh ngày 30/8/2009 và Lê Tiến Nam K, sinh ngày 18/5/2013 cho anh Lê Tiến L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành hoặc có sự thay đổi về quyền nuôi con. Chị Phan Thị D cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng/01 con chung. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2022 đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Phan Thị D được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

4. Về án phí : Áp dụng Điều 147, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 buộc chị Phan Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp theo biên lai số 0000133 ngày 13/4/2022 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh) và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THSDS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND phường Thạch Quý, TP Hà Tĩnh;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Lam